

Số: **333** /BC-UBND

*Lai Châu, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

## **BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

### **I. CĂN CỨ THỰC HIỆN**

Căn cứ Kế hoạch số 8328/KH-UBND ngày 23/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Lai Châu năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh về ban hành Bộ chỉ số đánh giá công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Kế hoạch số 8072/KH-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh về triển khai đánh giá xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2025 của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

### **II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

#### **1. Công tác thẩm định**

Thực hiện Kế hoạch số 8072/KH-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ tại Công văn số 4979/SNV-CCHC ngày 30/12/2025 về hướng dẫn tự chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính (Chỉ số CCHC), các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường thực hiện tự chấm điểm, đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính trên Phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC của tỉnh đảm bảo thời gian theo quy định (tự chấm điểm từ ngày 05/01/2026-31/01/2026; giải trình, bổ sung tài liệu kiểm chứng từ ngày 06/3-09/3/2026).

Trên cơ sở kết quả tự chấm điểm của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, thông báo phân công nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc đã họp, phân công nhiệm vụ thẩm định cho các thành viên theo lĩnh vực ngành phụ trách. Công tác thẩm định được thực hiện qua 02 lần: Lần 1 từ 02/02/2026 đến ngày 28/02/2026 và lần 2 từ ngày 08/3/2026 đến ngày 18/3/2026. Hội đồng thẩm định đã thực hiện thẩm định, đánh giá và chấm điểm từng tiêu chí, tiêu chí thành phần trên Phần mềm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính và đảm bảo chính xác, khách quan, phản ánh thực chất kết quả đạt được của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, sau khi có kết quả thẩm định lần 2, Hội đồng thẩm định đã mở phần mềm, gửi lại kết quả thẩm định cho các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát. Đồng thời, đối với các nội dung không đạt yêu cầu, Hội đồng thẩm định cũng đã nêu rõ lý do vì sao không cho điểm, cho điểm thấp hơn mức điểm tối đa để các đơn vị dễ theo dõi, đánh giá kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định.

#### **2. Công tác điều tra xã hội học**

##### **2.1. Đối tượng điều tra**

- Đối tượng điều tra đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh gồm 04 nhóm: Đại biểu HĐND tỉnh; lãnh đạo và công chức các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh; Lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã.

- Đối tượng điều tra đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của UBND cấp xã gồm 04 nhóm: Đại biểu HĐND cấp xã; Lãnh đạo và công chức các phòng chuyên môn trực thuộc UBND cấp xã; Lãnh đạo các phòng, đơn vị thuộc của sở, ban, ngành tỉnh đánh giá kết quả cải cách hành chính của cấp xã.

## 2.2. Tổ chức điều tra

- Căn cứ Kế hoạch số 8072/KH-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh, các tiêu chí đánh giá qua điều tra xã hội học được quy định tại Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 27/11/2025, Sở Nội vụ đã ban hành Quyết định số 56/QĐ-SNV ngày 19/01/2026 về việc phê duyệt phương án điều tra, mẫu phiếu điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của 15 sở, ban, ngành, 38 xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Thời gian tổ chức điều tra từ ngày 20/01/2026-31/01/2026.

- Tổng số phiếu điều tra xã hội học: 2.625 phiếu.

- Việc phát, thu phiếu điều tra được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử (gửi link phiếu qua thư điện tử (mail cá nhân, hòm thư công vụ) và ứng dụng Zalo). Kết thúc thời gian điều tra, số phiếu thu về được 2.527/2.625 phiếu, đạt 96,27% - cao hơn năm 2024 là 1,71%. Tỷ lệ phiếu thu về cao cho thấy sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị; đồng thời phản ánh kết quả điều tra có độ tin cậy cao, cụ thể:

STT	Mã phiếu	Đối tượng đánh giá	Số lượng phiếu phát ra	Số lượng phiếu thu về	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Sở, ngành</b>		<b>630</b>	<b>617</b>	<b>97,94</b>
1	CT 01	Đại biểu HĐND tỉnh	30	30	100
2	CT 02	Lãnh đạo cấp phòng và công chức	409	404	98,77
3	CT 03	Lãnh đạo phòng cấp xã	191	184	96,34
<b>II</b>	<b>Xã, phường</b>		<b>1.995</b>	<b>1.910</b>	<b>95,74</b>
1	CX 01	Đại biểu HĐND cấp xã	760	724	95,26
2	CX 02	Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn cấp xã	976	955	97,85
3	CX 03	Lãnh đạo phòng cấp sở	259	231	89,19
<b>TỔNG</b>			<b>2.625</b>	<b>2.527</b>	<b>96,27</b>

Việc tổng hợp số liệu, tính toán điểm đạt được của các đơn vị dựa trên số liệu phiếu điều tra thu về hợp lệ, trích xuất từ Phần mềm chấm điểm Chỉ số cải

cách hành chính. Trên cơ sở số liệu điều tra xã hội học, Sở Nội vụ đã tổng hợp kết quả điều tra làm căn cứ tính điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

### III. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC) NĂM 2025

Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường được đánh giá theo 8 Chỉ số thành phần gồm: (1) Công tác chỉ đạo điều hành; (2) Cải cách thể chế; (3) Cải cách thủ tục hành chính; (4) Cải cách tổ chức bộ máy; (5) Cải cách chế độ công vụ; (6) Cải cách tài chính công; (7) Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước; (8) Đánh giá tác động của cải cách hành chính.

#### 1. Kết quả Chỉ số CCHC năm 2025 của các sở, ban, ngành

Chỉ số cải cách hành chính trung bình của cấp sở năm 2025 đạt 85,57% tăng 8,82% so với năm 2024 (76,75%). Có 03/15 đơn vị xếp loại XUẤT SẮC, 12/15 đơn vị xếp loại TỐT. Nhìn chung, các nội dung cải cách hành chính có chuyển biến tích cực, đồng đều trên nhiều lĩnh vực.

Năm 2025, có 4/8 nội dung đánh giá công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành có điểm chỉ số đạt trên 90%, gồm: cải cách tổ chức bộ máy đạt 97,98%; cải cách thể chế đạt 96,92%; cải cách thủ tục hành chính đạt 94,44%; cải cách chế độ công vụ đạt 94,04%. Nội dung công tác chỉ đạo, điều hành đạt 86,76%. Có 03/8 nội dung điểm chỉ số đạt dưới 80% gồm: cải cách tài chính công đạt 79,28%; chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước đạt 74,21% và tác động của CCHC đạt 74,31%.

#### BIỂU 1: KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

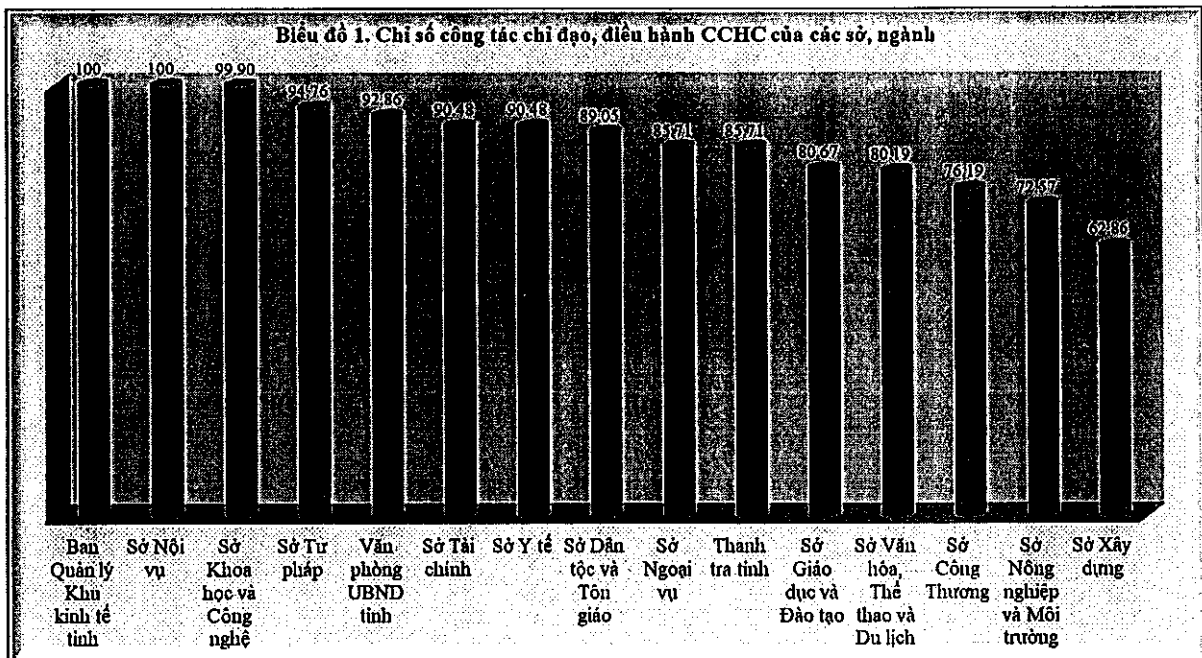
STT	Tên đơn vị	Điểm thẩm định	Điểm đánh giá tác động (điều tra xã hội học)	Tổng điểm	Thang điểm	Chỉ số %	Xếp loại
I	<b>Nhóm sở, ngành</b> (Thẩm định 78 điểm; ĐTXHH 22 điểm)						
1	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	75.00	18.00	93.00	100	93.00	XUẤT SẮC
2	Sở Nội vụ	73.71	17.09	90.80	100	90.80	XUẤT SẮC
3	Sở Tài chính	74.18	16.38	90.56	100	90.56	XUẤT SẮC
4	Sở Khoa học và Công nghệ	70.93	16.66	87.59	100	87.59	TỐT
5	Sở Công Thương	71.45	14.40	85.85	100	85.85	TỐT
6	Sở Y Tế	68.95	15.54	84.49	100	84.49	TỐT

STT	Tên đơn vị	Điểm thẩm định	Điểm đánh giá tác động (điều tra xã hội học)	Tổng điểm	Thang điểm	Chỉ số %	Xếp loại
7	Sở Xây dựng	68.03	16.04	84.07	100	84.07	TỐT
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	68.96	14.77	83.73	100	83.73	TỐT
9	Sở Tư pháp	66.45	17.08	83.53	100	83.53	TỐT
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	66.91	16.10	83.01	100	83.01	TỐT
11	Sở Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	65.46	16.22	81.68	100	81.68	TỐT
<b>II</b>	<b>Nhóm đơn vị đặc thù (Thang điểm thẩm định theo Bộ tiêu chí: Văn phòng UBND tỉnh 57 điểm; Sở Ngoại vụ 66 điểm, Thanh tra tỉnh 63.5 điểm, Sở Dân tộc và Tôn giáo 70 điểm; ĐT XHH: Văn phòng UBND tỉnh 19 điểm; Sở Ngoại vụ, Thanh tra tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo 22 điểm).</b>						
1	Văn phòng UBND tỉnh	52.43	15.75	68.18	76	89.71	TỐT
2	Sở Ngoại vụ	55.94	17.08	73.02	88	82.98	TỐT
3	Thanh tra tỉnh	54.00	16.28	70.28	85.5	82.20	TỐT
4	Sở Dân tộc và Tôn giáo	58.98	15.39	74.37	92	80.84	TỐT

### 1.1. Chỉ số công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Được đánh giá qua 6 tiêu chí: (1) Thực hiện kế hoạch CCHC; (2) Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ, đột xuất; (3) Công tác tuyên truyền; (4) Công tác kiểm tra; (5) Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC; (6) Thực hiện các văn bản, ý kiến chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

Chỉ số trung bình năm 2025 đạt 86,76%. Đơn vị có điểm chỉ số cao nhất là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Sở Nội vụ đạt 10.5/10.5 điểm (bằng 100%), tiếp theo là Sở Khoa học và Công nghệ đạt 10.49/10.5 điểm (bằng 99,9%); thấp nhất là Sở Xây dựng đạt 6.6/10.5 điểm (bằng 62,86%).



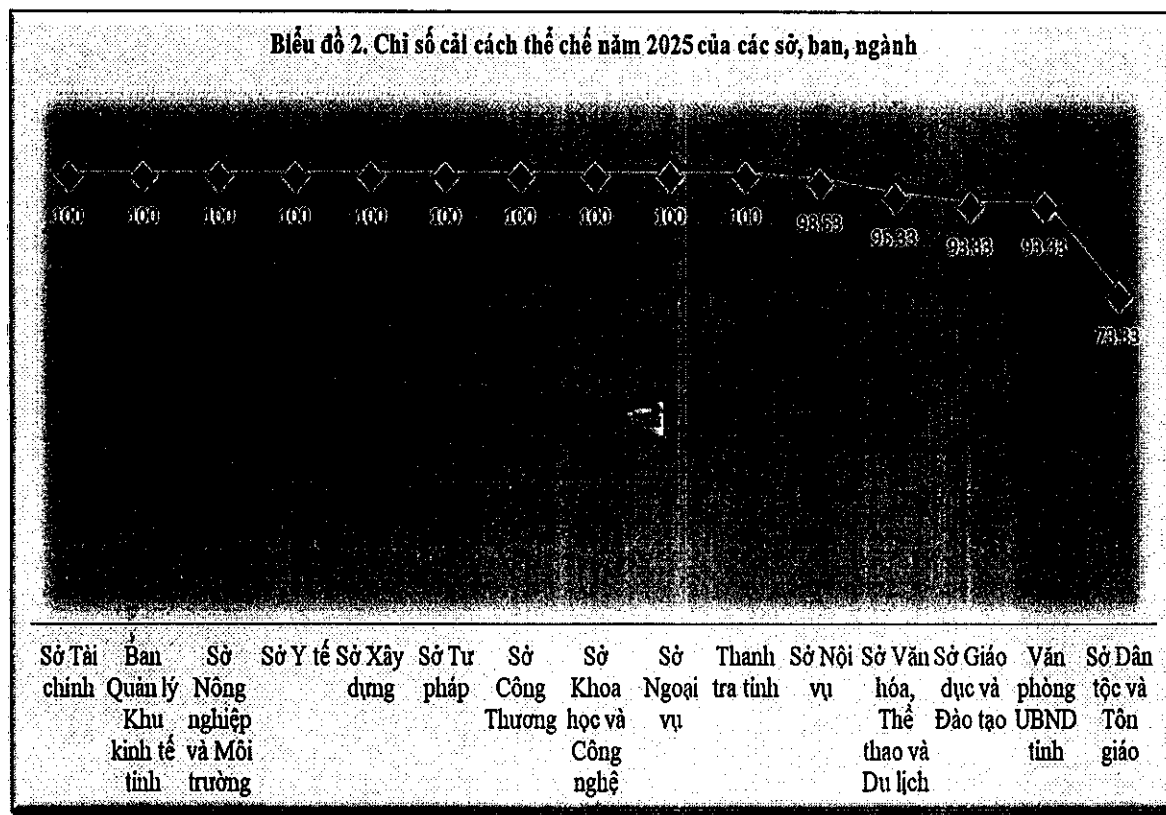
Trong 6 tiêu chí đánh giá, tiêu chí có điểm chỉ số trung bình cao nhất là thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đạt 98,8%; tiếp theo là tiêu chí thực hiện kế hoạch CCHC đạt 93,07%; tiêu chí kiểm tra CCHC và tuyên truyền CCHC đạt 90%; tiêu chí đổi mới, sáng tạo trong triển khai thực hiện công tác CCHC đạt 80% và thấp nhất là tiêu chí thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất đạt 66,67%.

Năm 2025, các sở, ngành đã quan tâm đến triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhưng vẫn còn một số tồn tại như: ban hành kế hoạch CCCH năm 2025 muộn (Sở Công Thương; Sở Giáo dục và Đào tạo; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp); chưa hoàn thành 100% nhiệm vụ được xây dựng trong kế hoạch CCHC (Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tư pháp); thực hiện chế độ báo cáo chưa đảm bảo thời gian (Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo); chưa hoàn thành dứt điểm việc xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra CCHC (Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Ngoại vụ; Thanh tra tỉnh; Sở Dân tộc và Tôn giáo); chưa có sáng kiến, giải pháp mới về cải cách hành chính (Sở Xây dựng) hoặc chỉ có sáng kiến, giải pháp về cải cách hành chính áp dụng tại cơ sở (Sở Công Thương; Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Ngoại vụ; Thanh tra tỉnh; Sở Dân tộc và Tôn giáo); có nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện chậm, muộn (Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Dân tộc và Tôn giáo).

## 1.2. Chỉ số cải cách thể chế

Được đánh giá qua 4 tiêu chí: (1) Theo dõi thi hành pháp luật; (2) Rà soát văn bản quy phạm pháp luật; (3) Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị; (4) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; báo cáo đột xuất về rà soát văn bản QPPL và theo dõi thi hành pháp luật.

Chỉ số trung bình đạt 96,92%. Có 10/15 đơn vị điểm chỉ số đạt 100%; thấp nhất là Sở Dân tộc và Tôn giáo đạt 73,33%.



Trong 4 tiêu chí đánh giá, có 2 tiêu chí điểm chỉ số đạt 100% là theo dõi thi hành pháp luật và tham mưu xử lý văn bản trái pháp luật; tiêu chí rà soát văn bản quy phạm pháp luật đạt 94,53%; thấp nhất là tiêu chí thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; báo cáo đột xuất về rà soát văn bản QPPL và theo dõi thi hành pháp luật đạt 86,67%.

Nhìn chung, các sở, ban, ngành đã thực hiện tương đối tốt công tác tham mưu, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đây tiếp tục là một trong những lĩnh vực đạt kết quả cao và ổn định trong nhiều năm. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại: chưa thực hiện gửi kết quả rà soát phục vụ việc công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực (Sở Dân tộc và Tôn giáo); chưa tham mưu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật cần phải sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ sau rà soát (Sở Nội vụ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Văn phòng UBND tỉnh); báo cáo định kỳ; báo cáo đột xuất về rà soát văn bản QPPL và theo dõi thi hành pháp luật chậm, muộn (Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Giáo dục và Đào tạo).

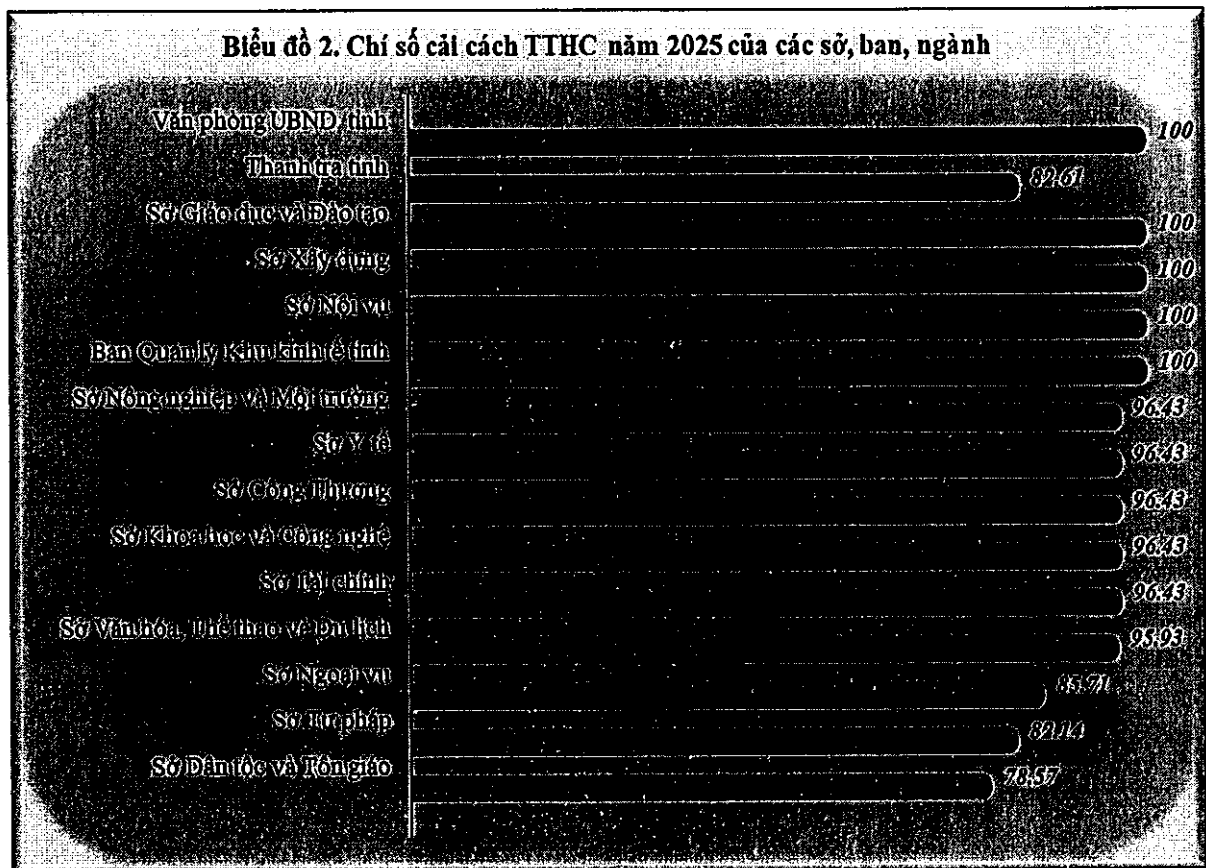
### 1.3. Chỉ số cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Được đánh giá thông qua 6 tiêu chí<sup>1</sup>: (1) Kiểm soát TTHC; (2) Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ; (3) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông<sup>2</sup>; (4) Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC; (5) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị; (6) Thực hiện chế độ báo cáo kiểm soát TTHC định kỳ.

Trong đó, có 13/15 sở, ban, ngành đánh giá cả 06/06 tiêu chí. Còn 02/15 đơn vị đánh giá không đầy đủ: (1) Văn phòng UBND tỉnh do không có TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết nên chỉ đánh giá tiêu chí về Công bố TTHC nội bộ, tiêu chí công khai TTHC và các quy định có liên quan; Thanh tra tỉnh đánh giá 5/6 tiêu chí - trừ tiêu chí thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, do hồ sơ TTHC của Thanh tra tỉnh chủ yếu tiếp nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu chính.

Chỉ số trung bình đạt 86,87%. Có điểm chỉ số cao nhất là Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đạt 100%; thấp nhất là Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Ngoại vụ đạt 78,57%.

02 đơn vị đặc thù: Văn phòng UBND điểm chỉ số đạt 100%, Thanh tra tỉnh đạt 73,91%.



<sup>1</sup> Giảm 7 tiêu chí đánh giá so với năm 2024 do năm 2025 đưa các tiêu chí đánh giá tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ thanh toán trực tuyến, đánh giá chất lượng trên Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp đánh giá trong chỉ số chuyển đổi số trọng cơ quan hành chính nhà nước.

<sup>2</sup> Xin không đánh giá tiêu chí này đối với Thanh tra tỉnh do TTHC của đơn vị không thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

Trong 6 tiêu chí đánh giá, 2 tiêu chí có điểm chỉ số trung bình đạt 100% là tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị và thực hiện chế độ báo cáo kiểm soát TTHC định kỳ; thấp nhất là tiêu chí kiểm soát quy định TTHC đạt 78,57%. 3 tiêu chí còn lại có điểm chỉ số đạt trên 90%.

Mặc dù cải cách thủ tục hành chính đã có chuyển biến tích cực, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: một số đơn vị chưa đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tư pháp; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Thanh tra tỉnh); chưa công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định (Sở Dân tộc và Tôn giáo); chưa cập nhật, công khai tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC trên hệ thống giải quyết TTHC theo quy định<sup>3</sup> (Sở Ngoại vụ); kết quả đánh giá chất lượng giải quyết TTHC trên Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp chưa cao (Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Tư pháp - xếp loại khá); việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC chưa thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ (Thanh tra tỉnh).

#### **1.4. Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy**

Được đánh giá qua 4 tiêu chí: (1) Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; (2) Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao; (3) Thực hiện phân cấp quản lý; (4) Báo cáo định kỳ về tổ chức bộ máy, biên chế, phân cấp quản lý.

Riêng Thanh tra tỉnh, Sở Ngoại vụ do yếu tố đặc thù nên không đánh giá các tiêu chí liên quan đến đơn vị sự nghiệp trực thuộc, nhiệm vụ phân cấp cho cấp xã và Văn phòng UBND tỉnh không đánh giá nhiệm vụ phân cấp cho cấp xã.

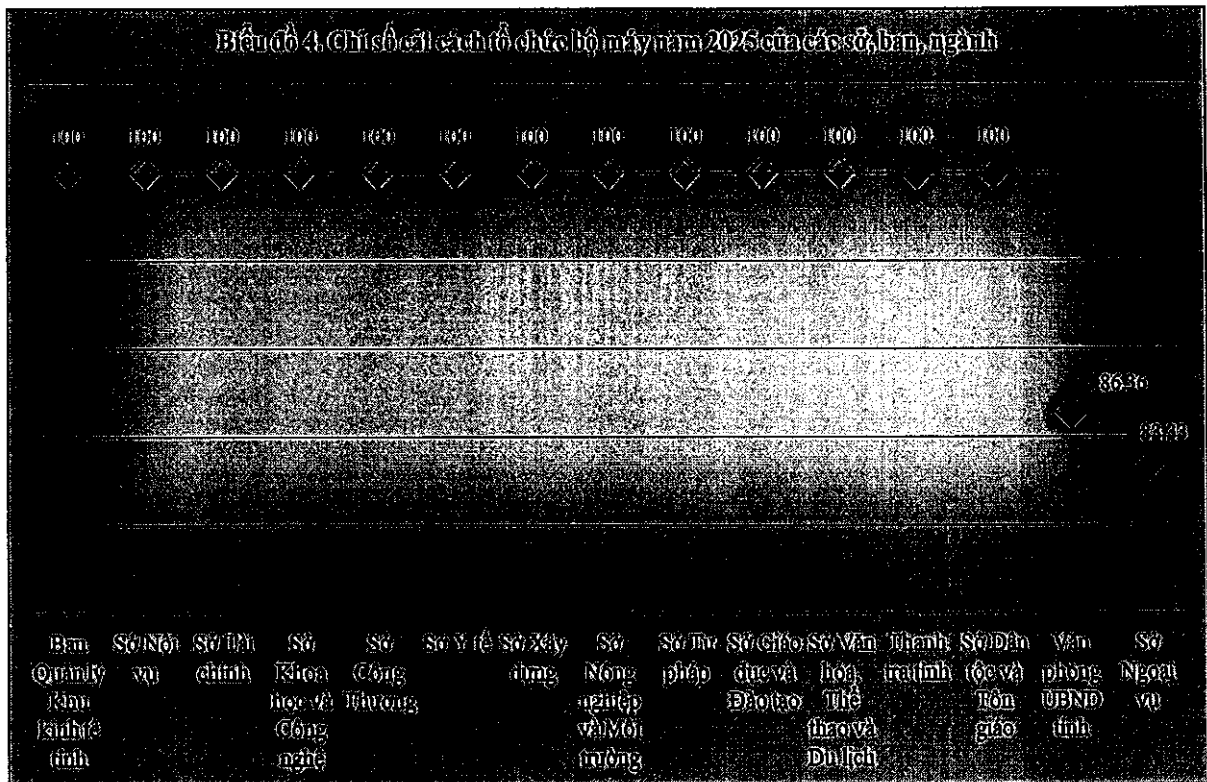
Chỉ số trung bình đạt 97,98%. Có 13/15 đơn vị điểm chỉ số đạt 100%, Văn phòng UBND tỉnh đạt 86,36%, Sở Ngoại vụ đạt 83,33%.

Có 3/4 tiêu chí đánh giá có điểm chỉ số trung bình đạt 100%, thấp nhất là tiêu chí sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy đạt 97,78%.

Văn phòng UBND tỉnh và Sở Ngoại vụ mất điểm do chưa bố trí đủ số lượng công chức để đảm bảo cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

<sup>3</sup> Nghị định 61/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 107/2021/NĐ-CP), Nghị định 45/2020/NĐ-CP, Thông tư 01/2023/TT-VPCP và Quyết định 468/QĐ-TTg) yêu cầu toàn bộ hồ sơ TTHC, bao gồm hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích đều phải được số hóa, cập nhật, xử lý trên môi trường điện tử:





### 1.5. Chỉ số cải cách chế độ công vụ

Được đánh giá qua 6 tiêu chí: (1) Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; (2) Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức; (3) Thực hiện quy định về thăng hạng viên chức; (4) Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; (5) Đánh giá, xếp loại công chức, viên chức hàng năm; (6) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

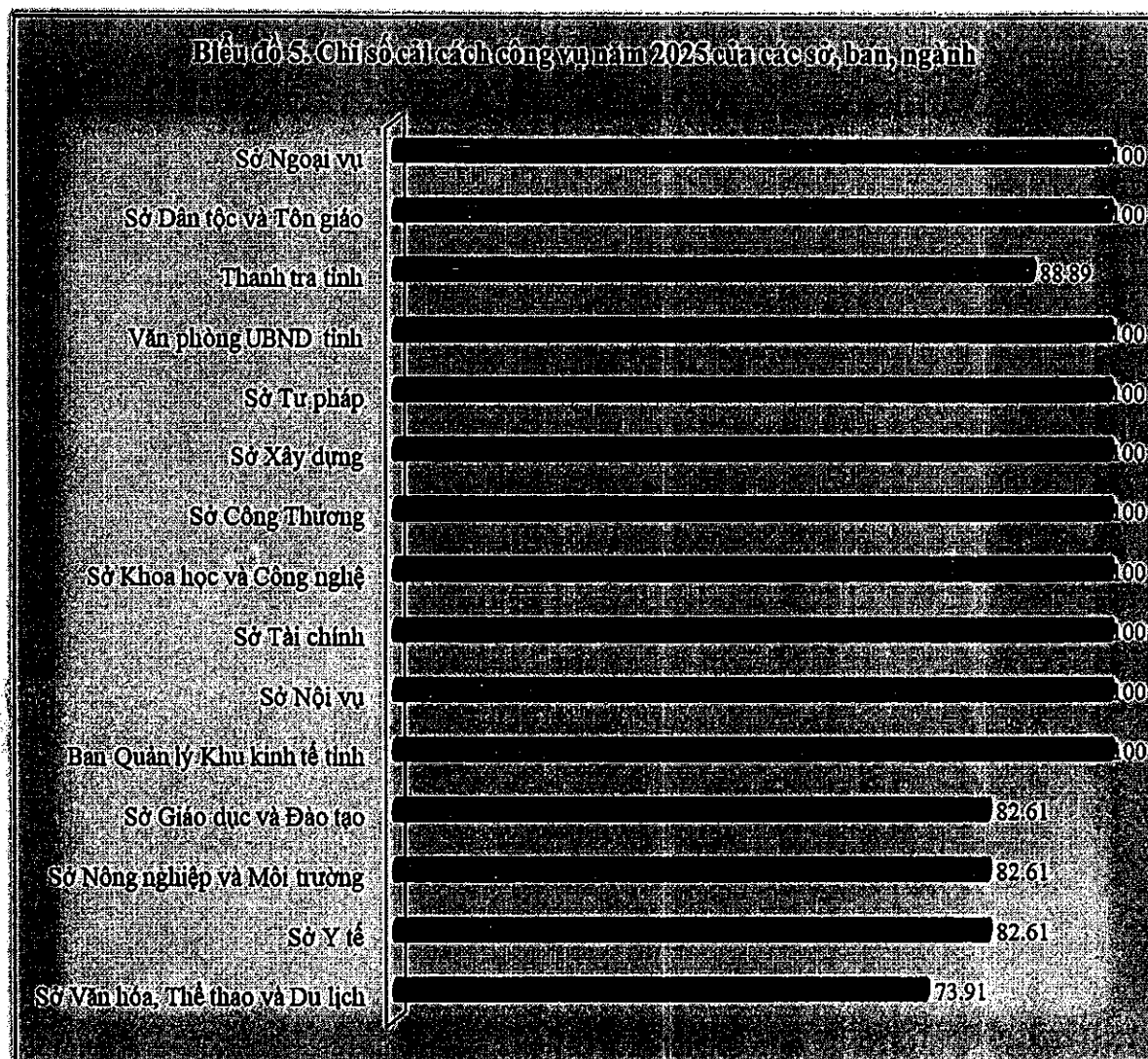
Riêng Thanh tra tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Ngoại vụ đánh giá 4/6 tiêu chí (trừ tiêu chí về tuyển dụng viên chức; tiêu chí bổ nhiệm viên chức và tiêu chí thành phần 5.1.5 về tỷ lệ viên chức được bố trí theo vị trí việc làm, do không có đơn vị sự nghiệp).

Chỉ số trung bình đạt 94,04%. Có 10/15 đơn vị điểm chỉ số đạt 100%; thấp nhất là Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đạt 73,91%, các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo đạt 82,61%; Sở Ngoại vụ đạt 88,89%.

5/6 tiêu chí đánh giá có điểm chỉ số đạt 100%; thấp nhất là tiêu chí đánh giá, xếp loại công chức, viên chức đạt 83,33%.

Năm 2025, các sở, ban, ngành thực hiện tốt các tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện cải cách công vụ, tuy nhiên vẫn còn công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ (Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo); có công chức, viên chức bị kỷ luật từ hình thức

khien trách trở lên (Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo; Thanh tra tỉnh).

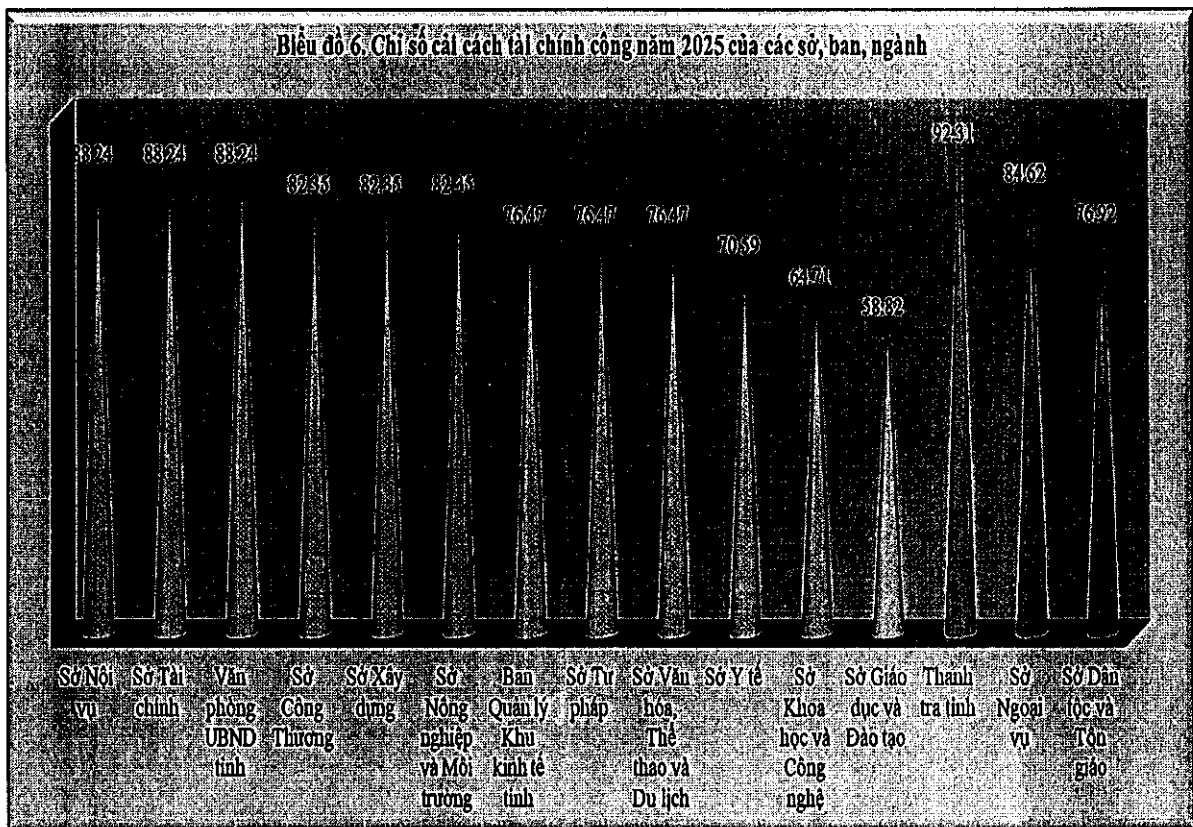


### 1.6. Chỉ số thành phần cải cách tài chính công

Đánh giá qua 5 tiêu chí: (1) Quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính; (2) Quản lý tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp; (3) Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính; (4) Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước; (5) Thực hiện chế độ báo cáo. Riêng Thanh tra tỉnh, Sở Ngoại vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo đánh giá 4/5 tiêu chí – trừ tiêu chí về quản lý tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp

Chỉ số trung bình đạt 79,28%, có điểm chỉ số cao nhất là Sở Nội vụ, Sở Tài chính và Văn phòng UBND tỉnh đạt 88,24%; thấp nhất là Sở Giáo dục và Đào tạo đạt 58,62%.

Thanh tra tỉnh đạt 92,31% – cao nhất trong 3 đơn vị đặc thù.



Trong 4 tiêu chí đánh giá, tiêu chí có điểm chỉ số trung bình cao nhất là tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tài chính đạt 100%; tiếp theo là tiêu chí thực hiện chế độ báo cáo theo quy định đạt 93,33%; tiêu chí đối với cơ quan hành chính nhà nước (thực hiện quy định về sử dụng kinh phí và công khai dự toán ngân sách) đạt 73,33%; thấp nhất là tiêu chí đối với đơn vị sự nghiệp (thực hiện quy định về sử dụng kinh phí và thu sự nghiệp) đạt 52,08%.

Bên cạnh những kết quả đạt được cải cách tài chính công còn một số tồn tại như: một số đơn vị chưa thực hiện công bố, công khai ngân sách theo quy định (Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Y tế; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tư pháp; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Ngoại vụ); có sai phạm trong sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo); không có tăng thu sự nghiệp so với năm trước.

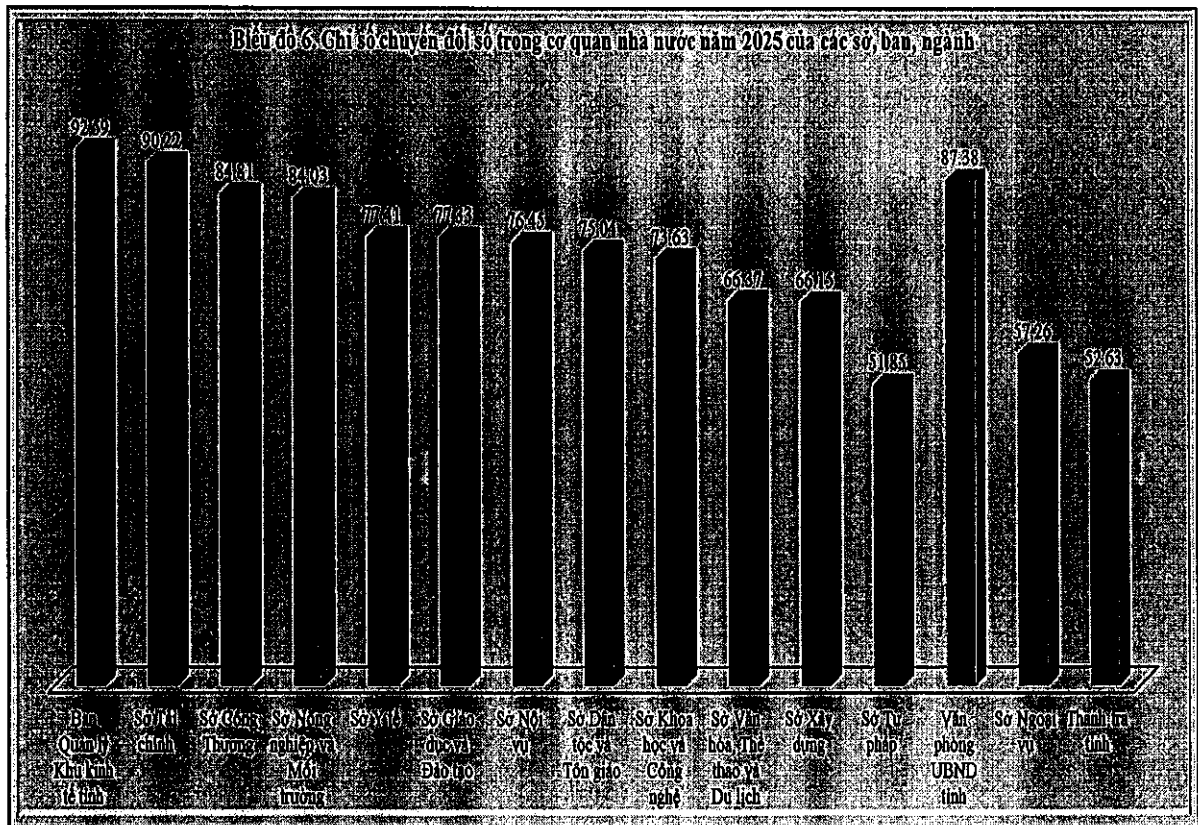
### 1.7. Chỉ số chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước

Đánh giá thông qua 4 tiêu chí: (1) Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số; (2) Bố trí tối thiểu 01 công chức chuyên trách về chuyển đổi số nằm trong tổng số biên chế được giao; (3) Phát triển ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước; (4) Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân.

Riêng Thanh tra tỉnh, Sở Ngoại vụ, Văn phòng UBND tỉnh không đánh giá một số tiêu chí về phát triển dịch vụ phục vụ người dân do tính chất đặc thù không có TTHC, không thực hiện thanh toán trực tuyến.

Chỉ số trung bình đạt 74,21%. Có điểm chỉ số cao nhất là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đạt 92,5%, tiếp theo là Sở Tài chính đạt 90,22%; thấp nhất là Sở Tư pháp đạt 51,85%.

Văn phòng UBND tỉnh đạt 87,38%; Sở Ngoại vụ 57,52%; Thanh tra tỉnh bằng 52,63%.



Trong 4 tiêu chí đánh giá, có điểm chỉ số cao nhất là tỷ lệ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch chuyển đổi số đạt 77,47%; tiêu chí bố trí tối thiểu 01 công chức chuyên trách về chuyển đổi số nằm trong tổng biên chế đạt 73,33%; tiêu chí phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân đạt 72,73% và tiêu chí phát triển ứng dụng, dịch vụ trong cơ quan nhà nước đạt 72,38%.

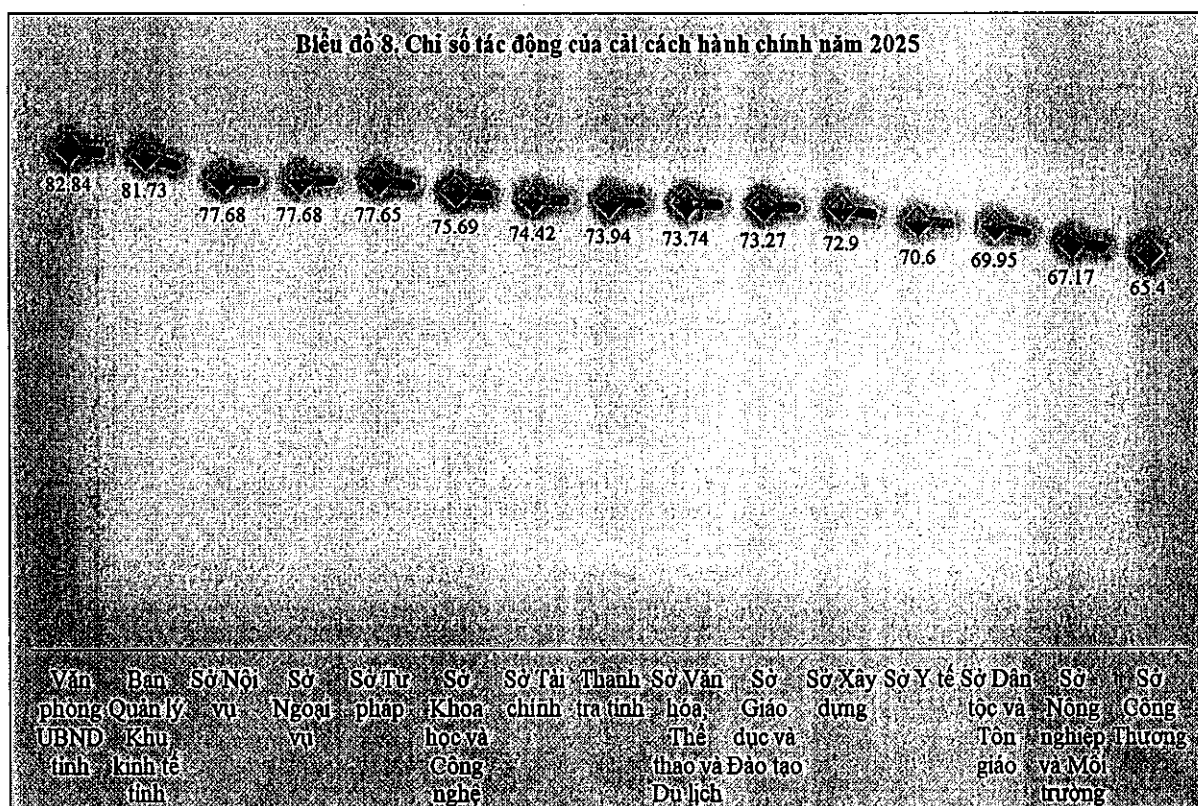
Năm 2025, nhìn chung, các sở, ban, ngành cơ bản đã hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị cũng như các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan cũng như các dịch vụ phục vụ người dân. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại như: chưa bố trí được công chức chuyên trách công nghệ thông tin (Sở Tư pháp, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Thanh tra tỉnh); chưa triển khai đầy đủ phương án bảo vệ hệ thống thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin đã được phê duyệt (Sở Nội vụ, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Y tế, Sở Xây dựng, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch); chưa thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định (Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch); Trang thông tin điện tử của đơn vị chưa cài đặt Ipv6 (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp, Sở Xây dựng); tỷ lệ số hoá hồ sơ,

kết quả giải quyết TTHC còn thấp (Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh); tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình thấp (Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng); tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến thấp (Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp); tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến thấp (Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

### 1.8. Chỉ số tác động của cải cách hành chính

Đánh giá qua điều tra xã hội học với 7 tiêu chí: (1) Chất lượng văn bản quy phạm pháp luật tham mưu ban hành; (2) Tổ chức bộ máy; (3) Chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công; (4) Quản lý công chức, viên chức; (5) Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; (6) Quản lý tài chính công; (7) Phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Riêng Văn phòng UBND tỉnh đánh giá 6 tiêu chí, trừ tiêu chí tác động đến chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công.

Chỉ số trung bình đạt 74,31%. Đơn vị có điểm cao nhất là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đạt 91,77%; thấp nhất là Sở Công Thương đạt 65,36%.



Theo kết quả đánh giá tác động của cải cách hành chính năm 2025, tiêu chí có điểm chỉ số cao nhất là quản lý công chức, viên chức đạt 90,73%, tiêu chí quản lý tài chính công đạt 79,4%; tiêu chí chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công đạt 77,73%; tiêu chí chất lượng đội ngũ công chức, viên chức đạt 75,94%; tiêu chí tổ chức bộ máy hành chính đạt 72,72%; tiêu chí chất lượng văn bản quy phạm pháp luật đạt 67,18% và thấp nhất là tiêu chí về phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số đạt 63,8%.

## 2. Chỉ số CCHC năm 2025 của UBND các xã, phường

Chỉ số CCHC trung bình năm 2025 của các xã, phường đạt 71,01%. Có 6/38 đơn vị xếp loại TỐT (đạt từ 80,09% - 83,35% điểm); 16/38 đơn vị xếp loại TRUNG BÌNH (đạt từ 71,62% - 79,69% điểm), 16/38 đơn vị có điểm đạt dưới 70% xếp loại YẾU, trong đó, thấp nhất là xã Tà Tổng chỉ đạt 49,14% điểm.

Trong 08 chỉ số đánh giá công tác CCHC năm 2025 của UBND các xã, phường, có điểm chỉ số cao nhất là cải cách chế độ công vụ đạt 90,29%; tiếp theo cải cách tổ chức bộ máy nhà nước đạt 85,18%; cải cách thủ tục hành chính đạt 79,38%; cải cách thể chế đạt 69,55%; tác động của CCHC đạt 67,21%; chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước đạt 67,57%; cải cách tài chính công 65,25% và thấp nhất là công tác chỉ đạo, điều hành đạt 48,32%.

STT	Tên đơn vị	Điểm thẩm định (73 điểm)	Tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được	Thang điểm	Chỉ số (%)	Xếp loại
			Điểm tác động đến phát triển KT-XH (3 điểm)	Điểm ĐTXHH (19 điểm)	Điểm mức độ hài lòng của người dân (5 điểm)				
1	UBND Xã Phong Thổ	63.31	2	13.39	3.8	82.50	100	82.50	TỐT
2	UBND Xã Tân Uyên	62.38	3	12.5	3.64	81.52	100	81.52	TỐT
3	UBND Xã Bản Bo	60.00	2	15.53	3.97	81.50	100	81.50	TỐT
4	UBND Xã Pắc Ta	61.46	2.5	12.96	4.51	81.43	100	81.43	TỐT
5	UBND Xã Than Uyên	62.36	2	12.85	3.87	81.08	100	81.08	TỐT
6	UBND Xã Nậm Sỏ	58.79	2.5	15.12	4.28	80.69	100	80.69	TỐT
7	UBND Xã Bình Lư	56.37	2.5	16.34	3.7	78.91	100	78.91	TRUNG BÌNH
8	UBND Xã Nậm Hàng	58.71	2	13.69	4.14	78.54	100	78.54	TRUNG BÌNH
9	UBND Phường Tân Phong	58.75	1.5	13.37	4.16	77.78	100	77.78	TRUNG BÌNH
10	UBND Xã Mường Khoa	56.78	2	14.45	4.09	77.32	100	77.32	TRUNG BÌNH
11	UBND Xã Sì Lở Lầu	59.23	1.5	13.22	3.29	77.24	100	77.24	TRUNG BÌNH
12	UBND Xã Mường Kim	54.75	2	14.48	3.89	75.12	100	75.12	TRUNG BÌNH
13	UBND Xã Bum Tở	56.11	1.5	13.24	3.83	74.68	100	74.68	TRUNG BÌNH
14	UBND Xã Đào San	57.22	1.5	12.63	3.06	74.41	100	74.41	TRUNG BÌNH
15	UBND Xã Thu Lũm	55.85	2.5	12.43	3.33	74.11	100	74.11	TRUNG BÌNH
16	UBND Xã Khổng Lào	55.82	1	13.21	3.9	73.93	100	73.93	TRUNG BÌNH
17	UBND Xã Bum Nưa	55.57	1	12.68	3.9	73.15	100	73.15	TRUNG BÌNH



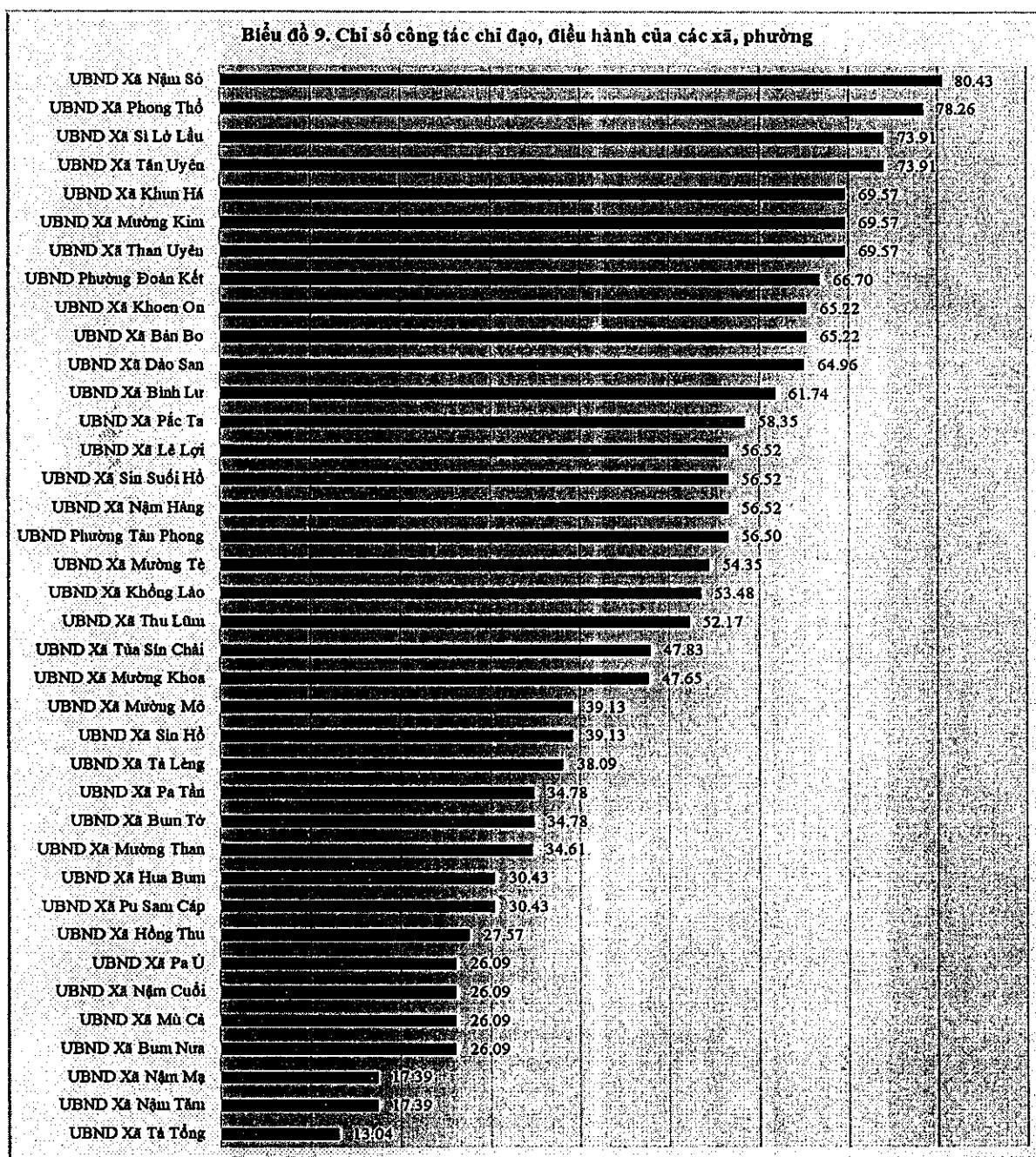
STT	Tên đơn vị	Điểm thấm định (73 điểm)	Tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được	Thang điểm	Chỉ số (%)	Xếp loại
			Điểm tác động đến phát triển KT-XH (3 điểm)	Điểm ĐTXHH (19 điểm)	Điểm mức độ hài lòng của người dân (5 điểm)				
18	UBND Xã Khoen On	52.77	2.5	13.55	4.15	72.97	100	72.97	TRUNG BÌNH
19	UBND Xã Khun Há	54.25	3	12.12	3.42	72.79	100	72.79	TRUNG BÌNH
20	UBND Phường Đoàn Kết	55.15	1	12.76	3.8	72.71	100	72.71	TRUNG BÌNH
21	UBND Xã Mường Than	53.88	1	13.03	4.44	72.35	100	72.35	TRUNG BÌNH
22	UBND Xã Sin Suối Hồ	55.41	1	11.41	3.82	71.64	100	71.64	TRUNG BÌNH
23	UBND Xã Pu Sam Cáp	50.47	2.5	12.45	4.12	69.54	100	69.54	YẾU
24	UBND Xã Tủa Sín Chải	51.77	2	12	3.43	69.20	100	69.20	YẾU
25	UBND Xã Lê Lợi	49.52	2	12.22	4.86	68.60	100	68.60	YẾU
26	UBND Xã Sin Hồ	51.31	2	11.5	3.77	68.58	100	68.58	YẾU
27	UBND Xã Mường Mô	51.06	1	12.25	3.75	68.06	100	68.06	YẾU
28	UBND Xã Pa Tần	51.27	1	11.85	3.77	67.89	100	67.89	YẾU
29	UBND Xã Tà Lèng	48.45	1.5	12.86	3.7	66.51	100	66.51	YẾU
30	UBND Xã Nậm Tăm	48.20	1	11.99	3.44	64.63	100	64.63	YẾU
31	UBND Xã Mù Cá	46.38	2.5	11.81	3.75	64.44	100	64.44	YẾU
32	UBND Xã Mường Tè	45.32	1	12.93	4.64	63.89	100	63.89	YẾU
33	UBND Xã Nậm Cuối	46.24	1	11.92	3.17	62.33	100	62.33	YẾU
34	UBND Xã Pa Ủ	41.44	2	11.94	4.37	59.75	100	59.75	YẾU
35	UBND Xã Hồng Thu	42.23	1	11.69	4.1	59.02	100	59.02	YẾU
36	UBND Xã Hua Bum	39.13	1	12.44	3.04	55.61	100	55.61	YẾU
37	UBND Xã Nậm Mạ	38.44	1	12.07	3.57	55.08	100	55.08	YẾU
38	UBND Xã Tà Tổng	32.67	1	11.53	3.94	49.14	100	49.14	YẾU

### 2.1. Chỉ số công tác chỉ đạo, điều hành

Được đánh giá qua 7 tiêu chí: (1) Thực hiện kế hoạch CCHC; (2) Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ, đột xuất; (3) Công tác tuyên truyền; (4) Công tác kiểm tra CCHC; (5) Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC; (6) Thực hiện các văn bản, ý kiến chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; (7) đối thoại của lãnh đạo xã với người dân, doanh nghiệp.

Chỉ số trung bình đạt 48,42%. Cao nhất là xã Nậm Sỏ đạt 80,43%; thấp nhất là xã Tà Tổng đạt 13,04%.

Trong 7 tiêu chí đánh giá, tiêu chí có điểm chỉ số trung bình cao nhất công tác tuyên truyền đạt 76,32%; tiếp theo là thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh 61,76%; đối thoại của lãnh đạo xã với người dân, doanh nghiệp đạt 54,27%; thực hiện kế hoạch cải cách hành chính đạt 52,49%; đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC đạt 47,77%; công tác kiểm tra cải cách hành chính đạt 44,83% và thấp nhất là tiêu chí thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ, đột xuất đạt 2,63%.



Kết quả đánh giá cho thấy, năm 2025, chỉ số công tác chỉ đạo, điều hành của cấp xã ở mức thấp, do một số đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến công tác cải cách hành chính, cụ thể: ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 muộn

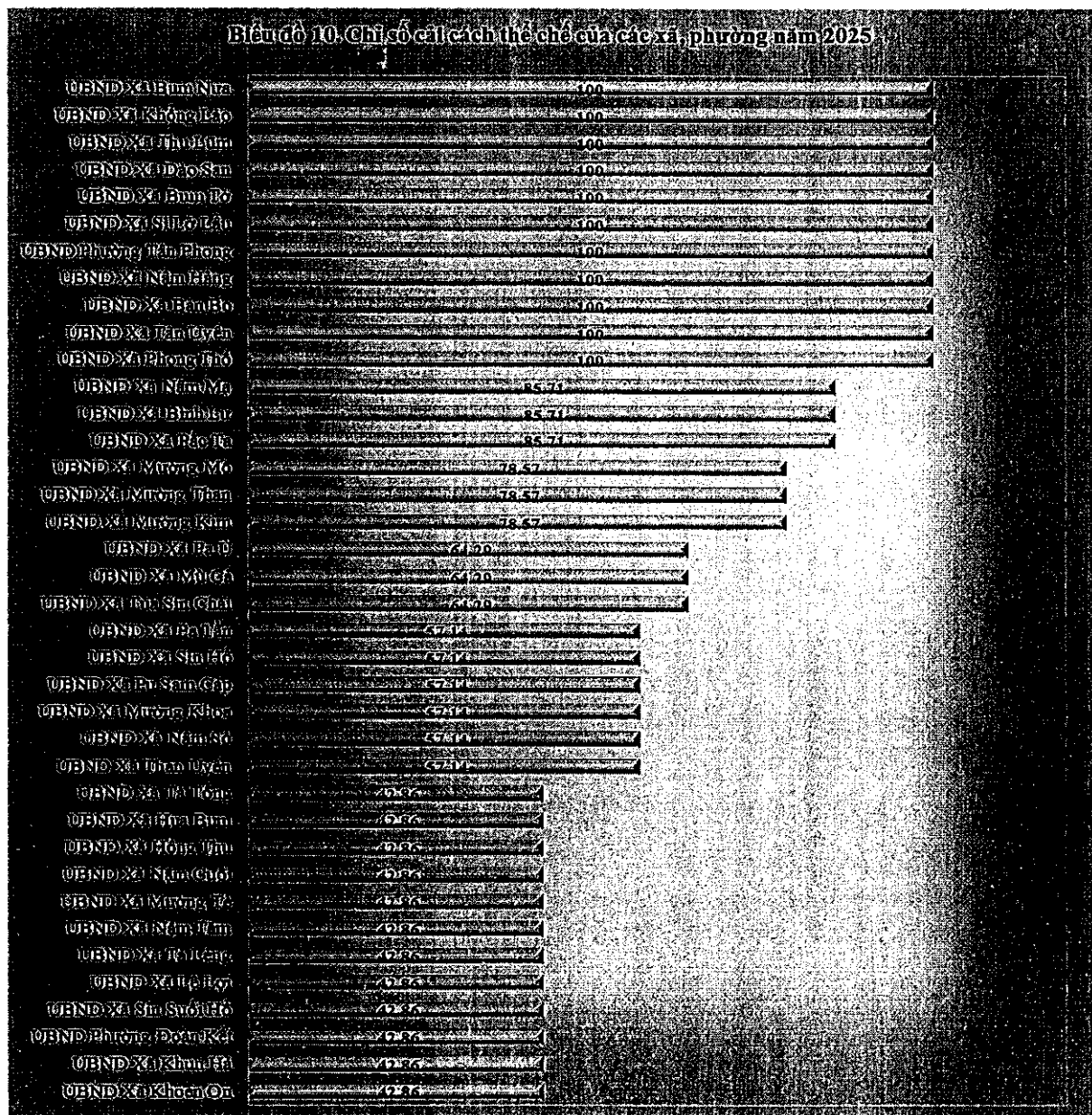


(31/38 đơn vị); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác CCHC muộn (37/38 đơn vị); không thực hiện tự kiểm tra công tác CCHC (22/38 đơn vị); chưa thực hiện khắc phục các tồn tại phát hiện sau kiểm tra (8/16 đơn vị thực hiện tự kiểm tra); chưa có sáng kiến trong triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC (23/38 đơn vị);...

## 2.2. Chỉ số cải cách thể chế

Được đánh giá qua 4 tiêu chí: (1) Theo dõi thi hành pháp luật; (2) Rà soát văn bản quy phạm pháp luật; (3) Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị; (4) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; báo cáo đột xuất về rà soát văn bản QPPL và theo dõi thi hành pháp luật.

Chỉ số trung bình đạt 69,55%. Có 11/38 đơn vị điểm chỉ số đạt 100%; 12/38 đạt 42,86%.



Trong 4 tiêu chí đánh giá, có điểm chỉ số cao nhất là tiêu chí xử lý văn bản trái pháp luật đạt 100%; tiếp theo là tiêu chí rà soát văn bản quy phạm pháp luật đạt 88,16%; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về rà soát văn bản QPPL và theo dõi thi hành pháp luật đạt 52,63% và thấp nhất là tiêu chí theo dõi thi hành pháp luật đạt 44,74%.

Bên cạnh những đơn vị thực hiện tốt các nội dung cải cách thể chế, còn một số đơn vị thực hiện chưa tốt công tác theo dõi thi hành pháp luật (16/38 đơn vị; chưa thực hiện công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực sau rà soát theo thẩm quyền (18/38 đơn vị); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về rà soát văn bản QPPL, theo dõi thi hành pháp luật không đảm bảo thời gian quy định (18/38 đơn vị).

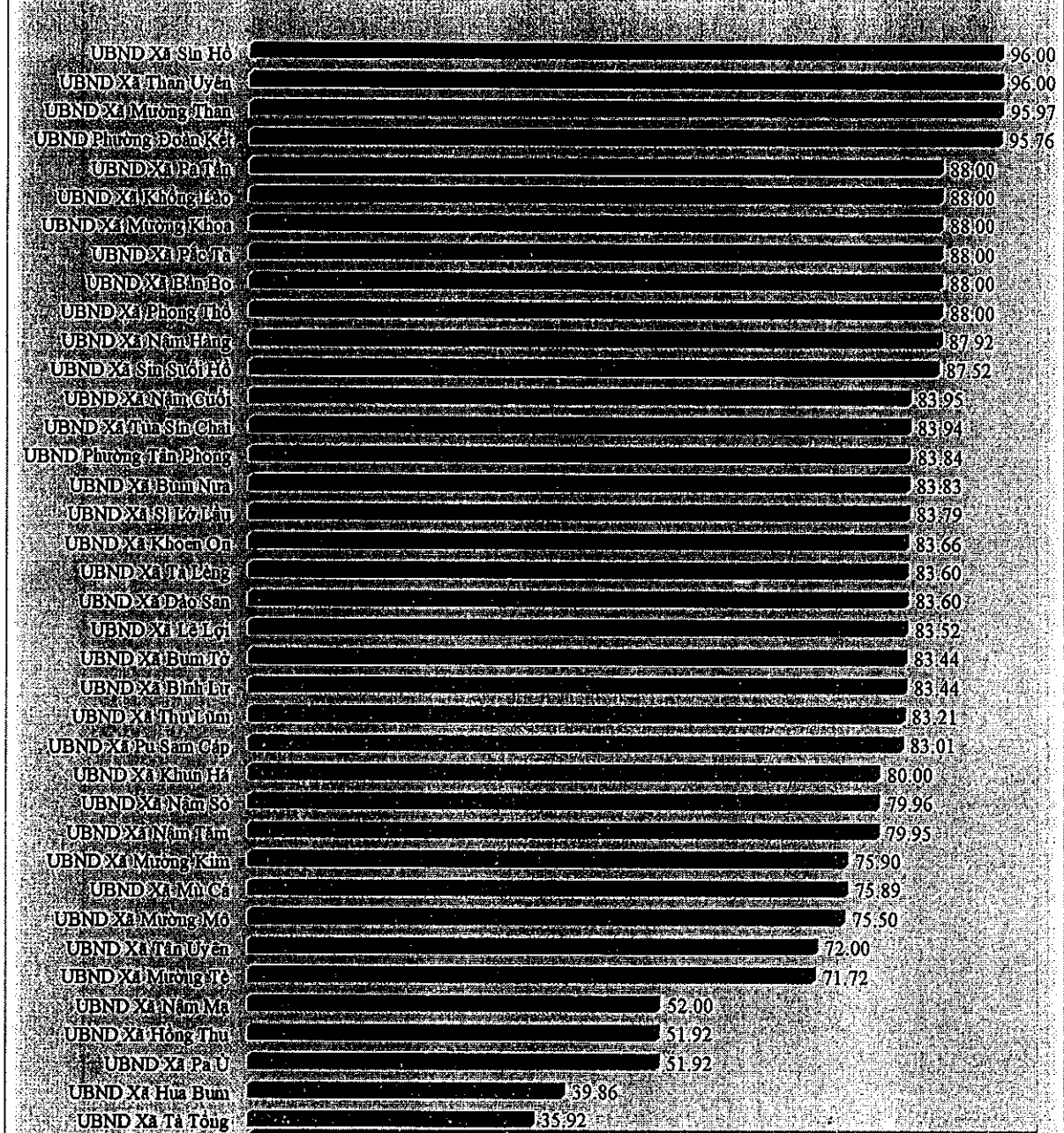
### **2.3. Chỉ số cải cách thủ tục hành chính**

Đánh giá qua 6 tiêu chí: (1) Kiểm soát quy định TTHC; (2) Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ; (3) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; (4) Kết quả giải quyết TTHC; (5) Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC; (6) Thực hiện chế độ báo cáo kiểm soát TTHC.

Chỉ số trung bình đạt 79,38%. Điểm chỉ số cao nhất là xã Than Uyên, xã Sìn Hồ, xã Mường Than đạt 96%; thấp nhất là Tà Tổng đạt 35,92%.

Trong 6 tiêu chí đánh giá, tiêu chí có điểm chỉ số cao nhất là thực hiện chế độ báo cáo kiểm soát TTHC đạt 100%; tiếp theo là tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC đạt 99,12%; thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông đạt 87,19%; công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ đạt 83,80%; thấp nhất là tiêu chí kiểm soát quy định TTHC đạt 11,4%.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại như: Chưa có đề xuất đơn giản hoá TTHC; các kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL quy định TTHC (33/38 đơn vị); việc công khai TTHC và các quy định có liên quan chưa kịp thời (12/38 đơn vị); việc công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia chưa đảm bảo yêu cầu (11/38 đơn vị); việc thực hiện xin lỗi người dân khi để xảy ra tình trạng trễ hạn trong giải quyết TTHC chưa theo quy định (xã Hua Bum, xã Tà Tổng); còn có hồ sơ trễ hạn (trên 5% tổng số hồ sơ đã giải quyết như các xã: Pa Ủ, Hồng Thu, Nậm Mạ, Tà Tổng, Hua Bum); chưa thực hiện công khai văn bản xin lỗi người dân trên hệ thống giải quyết TTHC khi có hồ sơ trả trễ hạn theo quy định (27/38 xã).

**Biểu đồ 11. Chỉ số cải cách thủ tục hành chính của các xã, phường năm 2025**

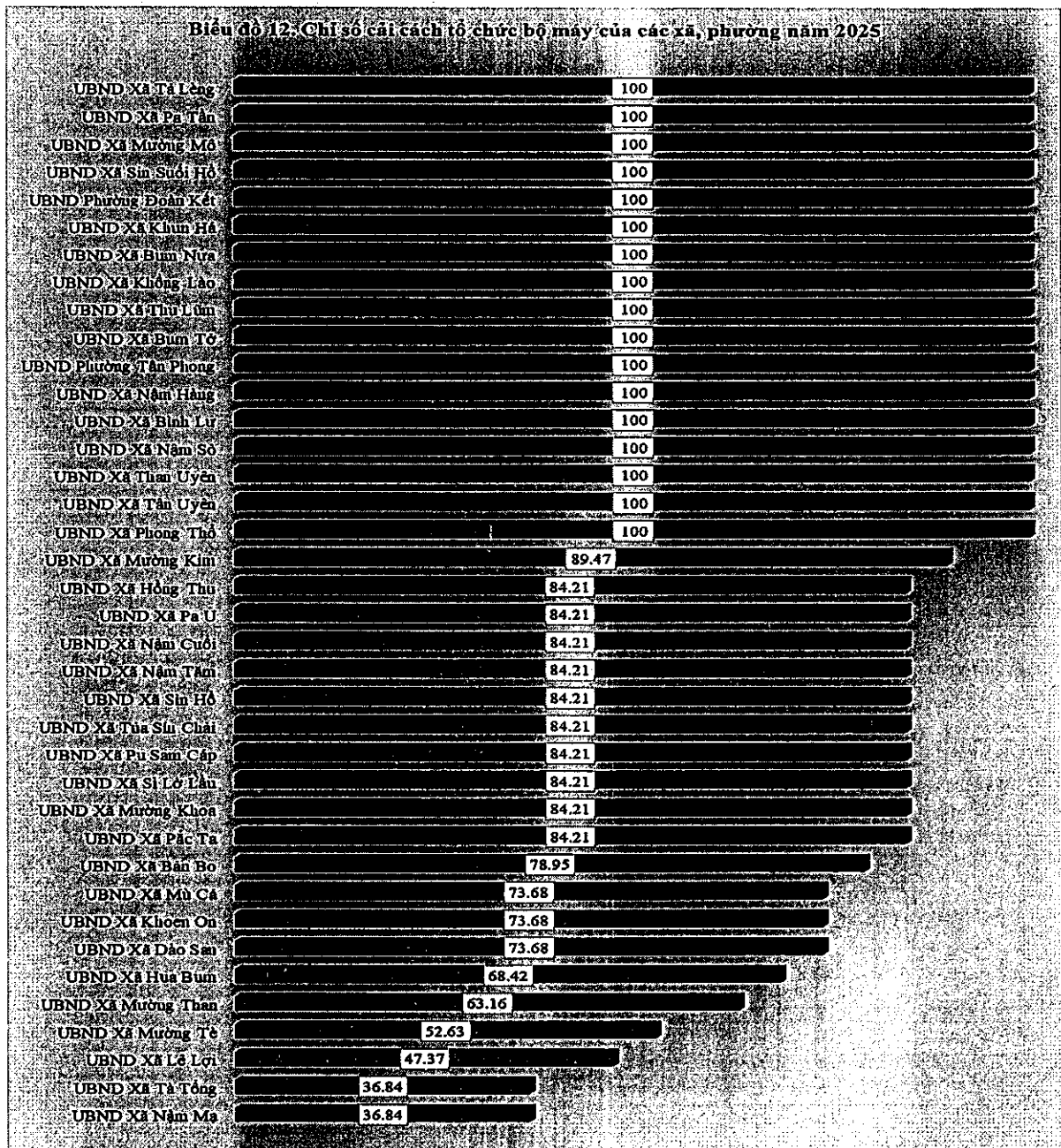
#### 2.4. Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy

Được đánh giá qua 4 tiêu chí: (1) Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; (2) Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao; (3) Thực hiện phân cấp quản lý; (4) Báo cáo định kỳ về tổ chức bộ máy, biên chế, phân cấp quản lý.

Chỉ số trung bình đạt 85,18%. Có 17/38 đơn vị điểm chỉ số đạt 100%; thấp nhất là xã Nậm Mạ đạt 36,84%).

Trong 4 tiêu chí đánh giá, tiêu chí có điểm chỉ số cao nhất là thực hiện phân cấp quản lý đạt 100%; tiếp theo là thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao đạt 98,86%; báo cáo định kỳ về tổ chức bộ máy,

biên chế, phân cấp quản lý đạt 92,11%; thấp nhất là tiêu chí sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy đạt 75,36%.

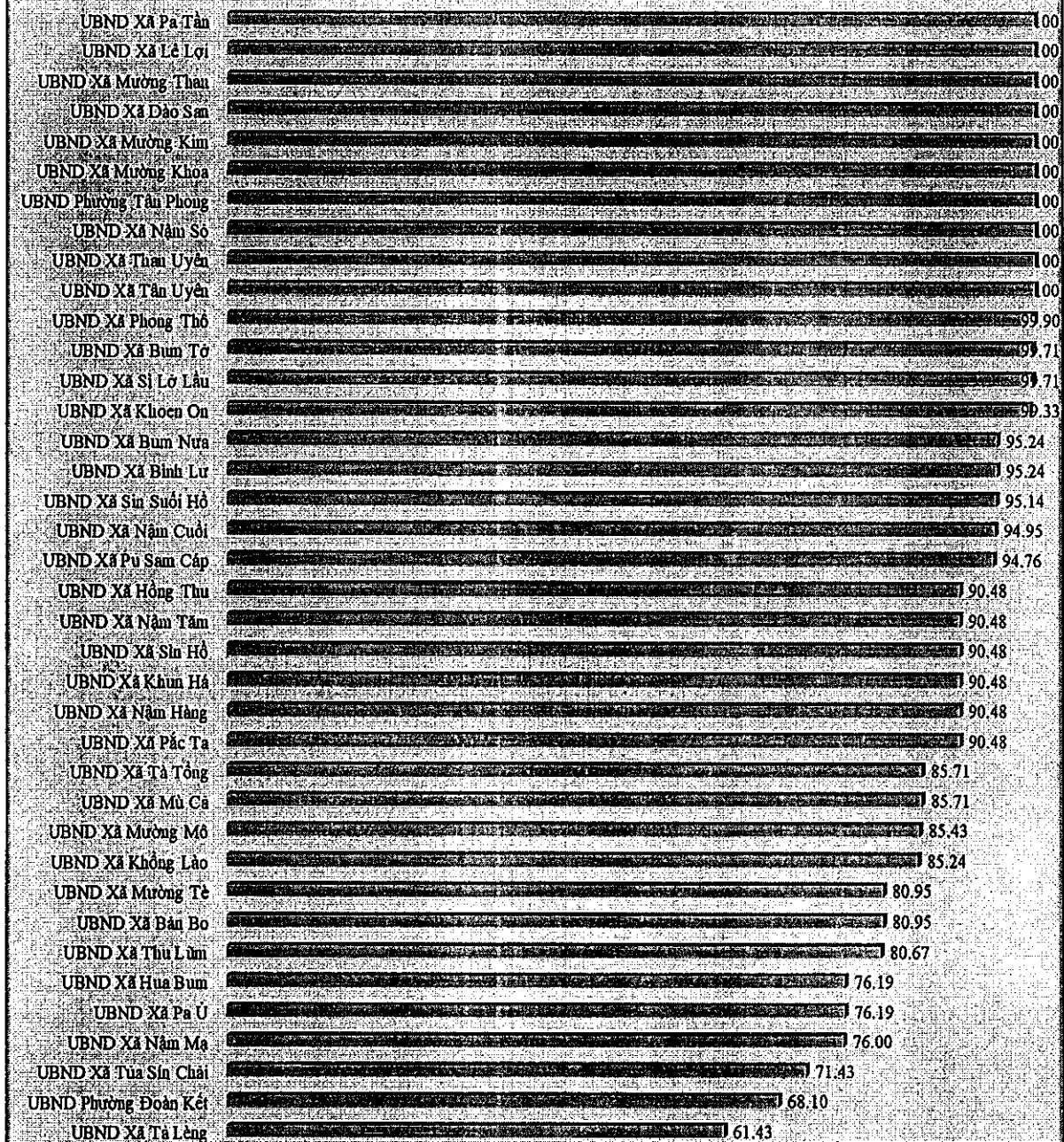


## 2.5. Chỉ số cải cách chế độ công vụ

Được đánh giá qua 6 tiêu chí: (1) Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; (2) Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức; (3) Thực hiện quy định về thăng hạng viên chức; (4) Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; (5) Đánh giá, xếp loại công chức, viên chức hàng năm; (6) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Chỉ số trung bình đạt 90,29%. Có 10/38 đơn vị điểm chỉ số đạt 100%, thấp nhất là xã Tả Lềng đạt 61,43%.

Biểu đồ 14. Chỉ số cải cách chế độ công vụ của các xã, phường năm 2025



Trong 5 tiêu chí đánh giá, có 02 tiêu chí điểm chỉ số đạt 100% là thực hiện quy định về thi tuyển viên chức và thực hiện quy định về thăng hạng viên chức; tiếp theo là thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm đạt 95,05%; thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo phòng, đơn vị sự nghiệp công lập đạt 92,11%; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đạt 87,72% và thấp nhất là đánh giá, xếp loại công chức, viên chức đạt 83,55%.

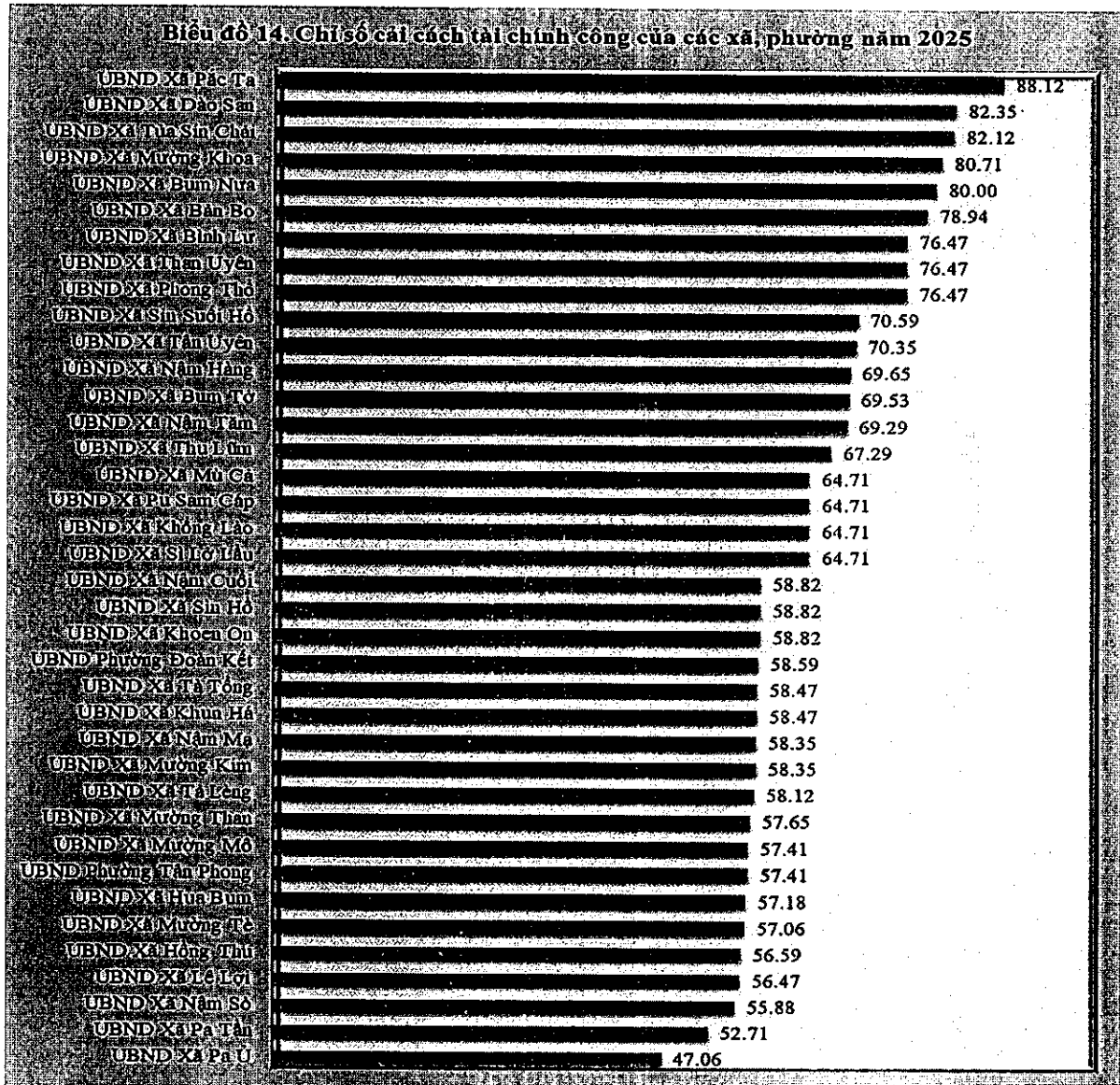
## 2.6. Chỉ số cải cách tài chính công

Đánh giá qua 6 tiêu chí: (1) Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà nước đối với cơ quan quản lý hành chính; (2) Đối với



đơn vị sự nghiệp (đánh giá việc sử dụng kinh phí và thu sự nghiệp); (3) Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách; (4) Thực hiện giải ngân vốn đầu tư công; (5) Công tác quản lý, sử dụng tài sản; (6) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Chỉ số trung bình đạt 62,25%. Điểm chỉ số cao nhất là xã Pắc Ta đạt 88,12%, thấp nhất là xã Hồng Thu đạt 44,82%.



Trong 6 tiêu chí đánh giá, 02 tiêu chí có điểm chỉ số đạt 100% là thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà nước đối với cơ quan quản lý hành chính và tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách; tiêu chí thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước đạt 87,5%; công tác quản lý, sử dụng tài sản đạt 60,53%; đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đạt 50,66% và thấp nhất là tiêu chí thực hiện chế độ báo cáo theo quy định đạt 28,95%.

Bên cạnh một số đơn vị có điểm chỉ số cao, còn một số đơn vị điểm chỉ số thấp do: Không có đơn vị sự nghiệp tăng thu từ 15% trở lên so với năm trước

(37/38 đơn vị, trừ xã Bum Tờ); thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công không đạt 100% (27/38 đơn vị, trong đó có 02 đơn vị đạt tỷ lệ dưới 70% là xã Pa Ủ, xã Mù Cỏ); thực hiện chế độ báo cáo chậm muộn (báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ - 30/38 đơn vị; báo cáo tình hình sử dụng tài sản công - 36/38 đơn vị)...

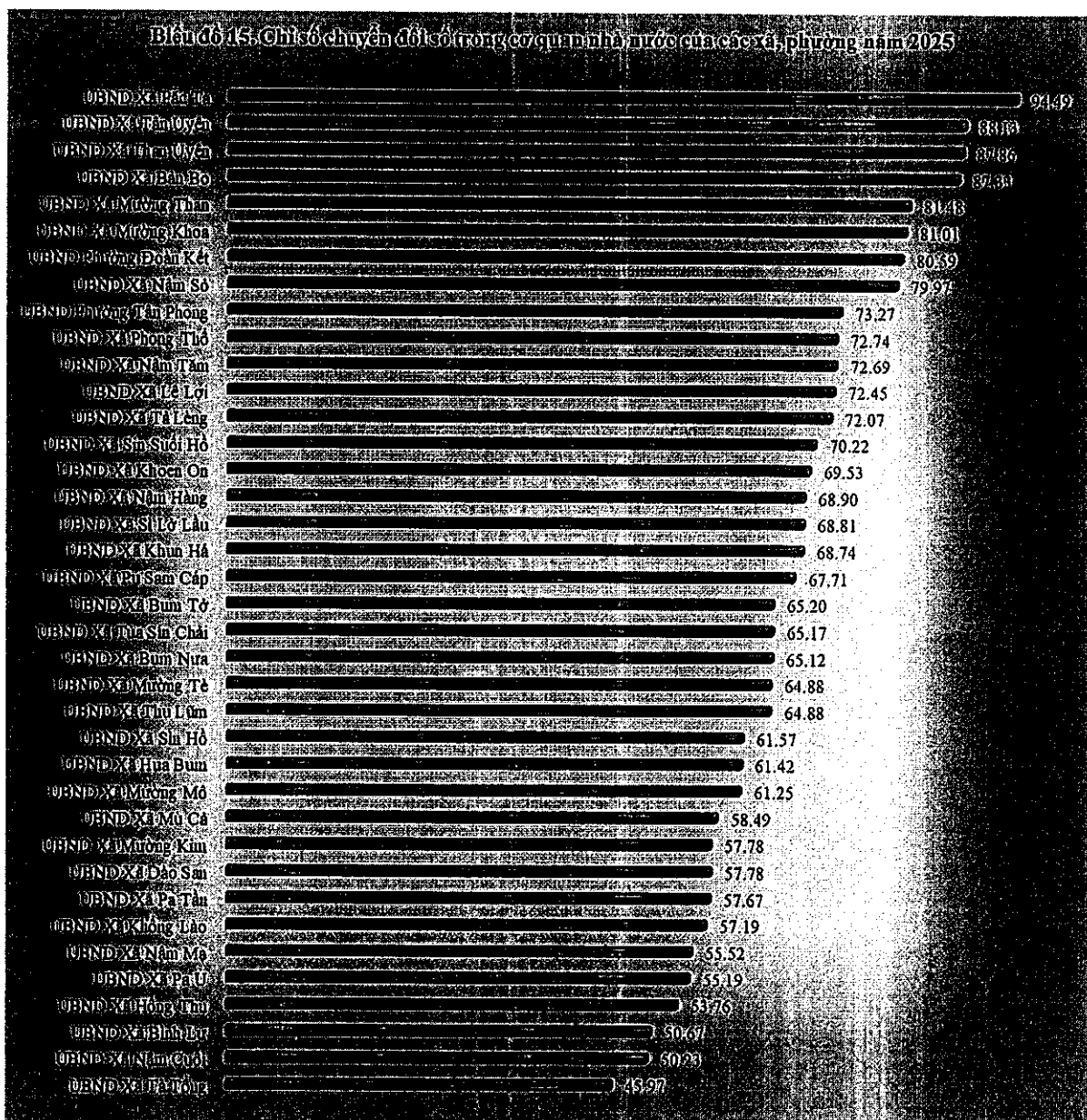
### **2.7. Chỉ số chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước (điểm tối đa 13.5 điểm)**

Đánh giá qua 4 tiêu chí: (1) Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số; (2) Bố trí tối thiểu 01 công chức chuyên trách về chuyển đổi số nằm trong tổng số biên chế được giao; (3) Phát triển ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước; (4) Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân.

Chỉ số trung bình đạt 67,57%. Có điểm chỉ số cao nhất là xã Pắc Ta đạt 94,49%, thấp nhất là xã Tà Tổng đạt 45,97%.

Trong 4 tiêu chí đánh giá, có điểm chỉ số cao nhất là phát triển ứng dụng dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp đạt 90.51%; tiếp theo là tiêu chí tỷ lệ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số 43,82%; tiêu chí phát triển ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước đạt 31,20%; thấp nhất là tiêu chí bố trí tối thiểu 01 công chức chuyên trách về chuyển đổi số nằm trong tổng số biên chế được giao đạt 26,32%.

Một số hạn chế trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số như: 28/38 đơn vị chưa có công chức chuyên trách về chuyển đổi số; tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử thấp (9/38 đơn vị); thực hiện chế độ báo cáo không đảm bảo thời gian, số lượng theo yêu cầu (báo cáo cung cấp số liệu về phát triển chính phủ điện tử chưa đảm bảo yêu cầu - 25/38 đơn vị; báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - 37/38 đơn vị, trừ xã Pắc Ta); chưa triển khai đầy đủ phương án bảo vệ các hệ thống thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn được phê duyệt (30/38 đơn vị); tỷ lệ máy tính cài phần mềm an toàn thông tin có bản quyền dưới 100% (18/38 đơn vị); Trang thông tin điện tử chưa triển khai IPv6 (26/38 đơn vị); Trang thông tin điện tử cung cấp thông tin chưa đầy đủ (xã Mường Kim), không cung cấp tài liệu kiểm chứng để đánh giá chức năng, tính năng của Trang thông tin điện tử (xã Tà Tổng, xã Tả Lèng, xã Hồng Thu); tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC thấp (xã Tà Tổng); tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình thấp (xã Pa Ủ).



## 2.8. Chỉ số tác động của cải cách hành chính

Đánh giá qua 10 tiêu chí: (1) Kết quả chỉ số hài lòng; (2) Chất lượng văn bản quy phạm pháp luật tham mưu ban hành; (3) Tổ chức bộ máy; (4) Quản lý công chức, viên chức; (5) Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; (6) Quản lý tài chính công; (7) Phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số; (8) Mức độ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và hộ kinh doanh; (9) Mức độ thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội của UBND các xã, phường được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; (10) Thực hiện thu ngân sách nhà nước hàng năm của xã, phường theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Trong đó, tiêu chí kết quả chỉ số hài lòng đánh giá dựa trên kết quả điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025. Tiêu chí mức độ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và hộ kinh doanh; mức độ thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về phát



triển kinh tế - xã hội của UBND các xã, phường được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; thực hiện thu ngân sách nhà nước hàng năm của xã, phường theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đánh giá qua thẩm định kết quả thực hiện của các đơn vị.

Chỉ số trung bình đạt 68,21%. Có điểm chỉ số cao nhất là xã Bình Lư đạt 83,41%; thấp nhất là xã Nậm Cuối đạt 59,59%. Trong đó, đơn vị có điểm kết quả Chỉ số hài lòng cao nhất là xã Lê Lợi đạt 97,2%; đơn vị có điểm điều tra xã hội học xác định Chỉ số CCHC cao nhất là xã Bình Lư đạt 86% điểm và đơn vị có điểm tác động đến phát triển kinh tế - xã hội cao nhất là Tân Uyên đạt 3/3 điểm.

Năm 2025, một số đơn vị có mức độ phát triển hợp tác xã, hộ kinh doanh dưới 20% (7/38 đơn vị); thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được UBND giao đạt dưới 100% (dưới 90%: 22/38 đơn vị và đạt từ 90% đến dưới 100%: 13/38 đơn vị); thu ngân sách thấp, không đạt/vượt chỉ tiêu được UBND tỉnh giao (xã Nậm Cuối).

**Biểu đồ 16. Chỉ số tác động của cải cách hành chính năm 2025 của các xã, phường**

UBND Xã Bình Lư	83,41
UBND Xã Nậm Sỏ	80,00
UBND Xã Bản Bơ	79,68
UBND Xã Mường Khoa	76,07
UBND Xã Mường Kim	75,44
UBND Xã Khoco On	74,81
UBND Xã Pác Ta	73,98
UBND Xã Nậm Hàng	73,41
UBND Xã Phong Thổ	71,07
UBND Xã Tân Uyên	70,89
UBND Xã Lê Lợi	70,67
UBND Xã Pù Sam Cáp	70,63
UBND Phường Tân Phong	70,48
UBND Xã Tân Uyên	69,33
UBND Xã Mường Tè	68,78
UBND Xã Bùn Lỏ	68,78
UBND Xã Khum Há	68,67
UBND Xã Mường Than	68,41
UBND Xã Pá Ú	67,81
UBND Xã Bùn Bùn	67,63
UBND Xã Khổng Lào	67,07
UBND Xã Mù Cạ	66,89
UBND Xã Tả Lặng	66,89
UBND Xã Sẻ Lồ Lầu	66,50
UBND Xã Bùn Nưa	65,11
UBND Phường Đoàn Kết	65,04
UBND Xã Tả Sủi Chắt	64,56
UBND Xã Sủi Hồ	63,96
UBND Xã Đào Sơn	63,67
UBND Xã Mường Mỏ	62,96
UBND Xã Hồng Thu	62,19
UBND Xã Nậm Mỏ	61,63
UBND Xã Pá Tân	61,56
UBND Xã Bùn Bùn	61,04
UBND Xã Tả Lặng	61,00
UBND Xã Nậm Bùn	60,83
UBND Xã Sủi Sủi Lỏ	60,00
UBND Xã Nậm Cuối	59,59

## IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Ưu điểm

Công tác xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường được triển khai đúng quy định, đảm bảo tiến độ và chất lượng. Việc tổ chức tự đánh giá, chấm điểm, thẩm định và tổ chức điều tra xã hội học được thực hiện nghiêm túc, khách quan, bám sát Bộ chỉ số và hướng dẫn của cơ quan thường trực (Sở Nội vụ).

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 cho thấy chất lượng cải cách hành chính của tỉnh tiếp tục có chuyển biến tích cực; nhiều cơ quan, đơn vị có sự cải thiện rõ rệt về điểm số, phản ánh sự quan tâm chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nội dung cải cách hành chính ngày càng hiệu quả.

Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính tiếp tục được quan tâm, nhiều đơn vị đã chủ động ban hành kế hoạch, tổ chức triển khai đồng bộ, bám sát nhiệm vụ được giao. Việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện tương đối đầy đủ; đa số đơn vị đảm bảo yêu cầu về theo dõi thi hành pháp luật và chế độ báo cáo. Công tác cải cách thủ tục hành chính có nhiều chuyển biến tích cực; việc công khai, minh bạch TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và cung cấp dịch vụ công trực tuyến được đẩy mạnh. Tổ chức bộ máy tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn theo quy định; việc quản lý, sử dụng biên chế cơ bản đảm bảo đúng quy định. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được nâng cao; công tác đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, xếp loại được thực hiện tương đối nghiêm túc. Công tác chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước được quan tâm triển khai; một số đơn vị đã có kết quả tích cực trong ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Công tác điều tra xã hội học được tổ chức nghiêm túc, tỷ lệ thu phiếu cao, phản ánh tương đối khách quan mức độ hài lòng và đánh giá của các đối tượng đối với hoạt động cải cách hành chính.

Một số đơn vị có chuyển biến tích cực ở các chỉ số đánh giá, cụ thể: (1) công tác chỉ đạo, điều hành có Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Giáo dục và Đào tạo; (2) cải cách thể chế có Sở Y tế, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Thanh tra tỉnh; (3) cải cách thủ tục hành chính có Sở Nội vụ, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo; (4) cải cách tổ chức bộ máy có Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính; (5) cải cách công vụ có Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo; (6) cải cách tài chính công có Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Ngoại vụ; (7) chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước có Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Một số xã, phường thực hiện tương đối tốt các nội dung cải cách hành chính như: xã Phong Thổ, xã Tân Uyên, xã Bản Bo, xã Than Uyên, xã Pắc Ta.

## 2. Hạn chế

Một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm đúng mức đến công tác cải cách hành chính nên kết quả giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn còn chênh lệch; một số lĩnh vực, tiêu chí còn đạt thấp, chưa đồng đều, đặc biệt ở cấp xã.

Việc tự đánh giá, chấm điểm ở một số đơn vị còn chưa sát thực tế; tài liệu kiểm chứng chưa đầy đủ, chất lượng giải trình còn hạn chế. Công tác ban hành kế hoạch, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất ở nhiều đơn vị chưa đảm bảo thời gian quy định; việc khắc phục tồn tại sau kiểm tra cải cách hành chính chưa triệt để. Việc công khai, minh bạch thủ tục hành chính ở một số nơi còn hình thức; vẫn còn tình trạng hồ sơ giải quyết quá hạn, chưa thực hiện đầy đủ việc xin lỗi người dân theo quy định. Chuyển đổi số còn là khâu yếu ở nhiều cơ quan, đơn vị; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến và số hóa hồ sơ còn thấp. Ở cấp xã, kết quả cải cách hành chính còn thấp và không đồng đều; nhiều đơn vị chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu về báo cáo, kiểm tra, công khai TTHC, chưa có sáng kiến trong triển khai nhiệm vụ. Công tác cải cách tài chính công tại một số đơn vị còn hạn chế; việc công khai ngân sách, thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra chưa đầy đủ.

Một số xã thực hiện chưa tốt, chưa có trách nhiệm trong việc tự đánh giá, chấm điểm cũng như giải trình, bổ sung TLKC: xã Tà Tổng, xã Nậm Mạ, xã Pắc Ta, xã Bum Nua,...nên kết quả chỉ số không cao. Trong đó thấp nhất là xã Tà Tổng, Chỉ số CCHC chỉ đạt 49,14%.

Tỷ lệ phiếu điều tra xã hội học thu về chưa cao đạt 96,27% (tỷ lệ phiếu của các sở, ngành đạt 97,94%, cấp xã đạt 95,74%), trong đó, phiếu đánh giá của lãnh đạo cấp phòng các sở, ban, ngành đánh giá công tác CCHC của cấp xã chỉ đạt 89,85%. Một số cơ quan, đơn vị phải đôn đốc liên tục thì mới hoàn thành nội dung điều tra.

## 3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan: Năm 2025 có sự điều chỉnh, bổ sung tiêu chí đánh giá (đặc biệt là các tiêu chí liên quan đến chuyển đổi số), cũng là năm đầu tiên tỉnh thực hiện đánh giá, xếp loại công tác CCHC của cấp xã theo Bộ chỉ số do UBND tỉnh ban hành. Điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin, nguồn lực triển khai chuyển đổi số ở một số cơ quan, đơn vị, nhất là cấp xã, còn hạn chế. Đội ngũ công chức tham mưu công tác CCHC của các, phường xã hầu hết là người mới nhận nhiệm vụ tham mưu công tác cải cách hành chính nên việc tham mưu, tự chấm điểm, cung cấp tài liệu kiểm chứng của hầu hết các xã chưa đảm bảo yêu cầu, chưa bám sát theo hướng dẫn của Sở Nội vụ tại Công văn số 4979/SNV-CCHC ngày 30/12/2025 của Sở Nội vụ. Do đó, nhiều tiêu chí để đánh giá được cho đơn vị Hội đồng thẩm định phải dựa trên cơ sở kết quả theo

dối của ngành, lĩnh vực. Thời gian bổ sung tài liệu kiểm chứng, giải trình trùng với thời gian các xã chuẩn bị cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 nên việc giải trình, bổ sung tài liệu kiểm chứng của các xã, phường còn hạn chế, một số đơn vị chưa kịp cung cấp tài liệu kiểm chứng liên quan

- Nguyên nhân chủ quan: Nhận thức và vai trò của người đứng đầu ở một số cơ quan, đơn vị về công tác cải cách hành chính chưa đầy đủ, chưa quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành. Công tác phối hợp giữa các phòng, ban, đơn vị trong triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính chưa chặt chẽ. Năng lực tham mưu, tổng hợp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính ở một số đơn vị, đặc biệt cấp xã, còn hạn chế. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số chưa được quan tâm đầu tư đúng mức; đội ngũ cán bộ chuyên trách còn thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

#### **4. Đề nghị các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường**

Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; thực hiện nghiêm kế hoạch CCHC, chế độ báo cáo. Đẩy mạnh cải cách TTHC, nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ, hạn chế trễ hạn. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến.

Khắc phục tồn tại trong quản lý tài chính công, công khai ngân sách. Chủ động đề xuất sáng kiến phù hợp thực tiễn địa phương, đơn vị. Thực hiện nghiêm túc việc phân tích Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị để phát huy những nội dung thực hiện tốt, khắc phục những tồn tại, hạn chế và đề ra các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm tiếp theo.

Trên đây là đánh giá kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường./.

#### **Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Phòng Văn hóa – Xã hội các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lai Châu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin cải cách hành chính tỉnh;
- Lưu: VT, HCC5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tông Thanh Hải**